

**Dự thảo lần 5
ngày 30/8/2010**

**CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN HẢI QUAN
ĐẾN NĂM 2020**

HÀ NỘI, THÁNG 8 - 2010

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
PHẦN 1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN GIAI ĐOẠN 2001 - 2010	4
I. Những thành tựu chủ yếu	4
1. Thể chế.....	4
2. Công tác nghiệp vụ hải quan.....	4
2.1. Kiểm tra, giám sát hải quan.....	4
2.2. Quản lý thuế.....	4
2.3. Kiểm soát hải quan.....	5
3. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực.....	5
3.1. Tổ chức bộ máy.....	5
3.2. Nguồn nhân lực.....	5
4. Cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ thông tin và thống kê nhà nước về Hải quan.....	6
4.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật.....	6
4.2. Công nghệ thông tin và Thống kê.....	6
5. Quan hệ phối hợp.....	6
II. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu	7
1. Thể chế.....	7
2. Công tác nghiệp vụ hải quan.....	7
2.1. Kiểm tra, giám sát hải quan.....	7
2.2. Quản lý thuế.....	7
2.3. Kiểm soát hải quan.....	7
3. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực.....	8
3.1. Tổ chức bộ máy.....	8
3.2. Nguồn nhân lực.....	8
4. Cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ thông tin và thống kê.....	8
4.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật.....	8
4.2. Công nghệ thông tin và Thống kê.....	8
PHẦN 2. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HẢI QUAN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020	10
I. Bối cảnh	10
II. Quan điểm và mục tiêu phát triển	10
1. Quan điểm phát triển.....	10
2. Mục tiêu chiến lược.....	11
3. Mục tiêu quan trọng chủ yếu.....	11

3.1. Về thể chế	11
3.2. Công tác nghiệp vụ hải quan	11
3.3. Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực	12
3.4. Về ứng dụng công nghệ thông tin	12
III. Giải pháp thực hiện	12
1. Thể chế	12
2. Công tác nghiệp vụ hải quan	13
2.1. Kiểm tra, giám sát hải quan	13
2.2. Quản lý thuế	14
2.3. Kiểm soát hải quan	14
2.4. Kiểm tra sau thông quan	15
3. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực	15
3.1. Tổ chức bộ máy	15
3.2. Nguồn nhân lực	16
4. Cơ sở vật chất kỹ thuật, công nghệ thông tin và thống kê hải quan	17
4.1. Cơ sở vật chất kỹ thuật	17
4.2. Công nghệ thông tin và Thống kê	17
5. Giải pháp khác	18
PHẦN 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	20

MỞ ĐẦU

Dự thảo Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020 của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã xác định mục tiêu tổng quát phát triển kinh tế xã hội của đất nước là: *“Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, đồng thuận, dân chủ, kỷ cương; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.”*

Công tác quản lý nhà nước về hải quan đóng vai trò quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc tạo thuận lợi cho thương mại, du lịch và đầu tư; bảo vệ nền kinh tế trong nước, đảm bảo an ninh, an toàn xã hội; đóng góp nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, cơ quan hải quan phải đối mặt với những thách thức rất lớn: sự gia tăng về quy mô, tính phức tạp của các hoạt động thương mại quốc tế; nguy cơ khủng bố; môi đe dọa môi trường và sức khỏe cộng đồng; nghĩa vụ thực hiện các cam kết quốc tế liên quan lĩnh vực hải quan; yêu cầu đảm bảo tạo thuận lợi tối đa cho các hoạt động thương mại hợp pháp đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật.

Chiến lược phát triển Hải quan đến năm 2020 là một bộ phận quan trọng trong Chiến lược phát triển Kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 của đất nước; xác định những quan điểm chỉ đạo, mục tiêu cơ bản và những giải pháp chủ yếu nhằm vượt qua các khó khăn thách thức và thực hiện thành công các nhiệm vụ của công tác quản lý nhà nước về hải quan, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu cơ bản của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

PHẦN 1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HẢI QUAN GIAI ĐOẠN 2001 - 2010

I. Những thành tựu chủ yếu

1. Thể chế

Đã hình thành một hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh các lĩnh vực hoạt động hải quan bao gồm Luật Hải quan và các văn bản hướng dẫn thi hành, văn bản pháp luật có liên quan điều chỉnh trong lĩnh vực thương mại, thuế, sở hữu trí tuệ, hình sự, tổ tụng hình sự, xử lý vi phạm hành chính...; quy định tương đối đầy đủ về chính sách, thủ tục, chế độ quản lý đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, quá cảnh; quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của cơ quan hải quan; các quy phạm pháp luật đã từng bước tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, tạo cơ sở bước đầu cho việc triển khai một số hoạt động cải cách, phát triển hải quan.

2. Công tác nghiệp vụ hải quan

2.1. Kiểm tra, giám sát hải quan

Phương thức quản lý hải quan được đổi mới theo hướng áp dụng quản lý rủi ro trong kiểm tra hải quan. Thủ tục hải quan được chuẩn hoá theo hướng quy định cụ thể cho từng loại hình hàng hoá xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, quá cảnh; từng bước tuân thủ các chuẩn mực quốc tế; quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thủ tục hải quan. Số lượng hồ sơ, chứng từ trong thủ tục hải quan, tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hoá, thời gian thông quan giảm đáng kể.

Các lĩnh vực kỹ thuật nghiệp vụ hải quan như: xác định trị giá, xác định xuất xứ đã từng bước tiếp cận các chuẩn mực quốc tế. Công tác phân tích phân loại hàng hoá đã được triển khai đồng bộ từ cơ sở pháp lý, hệ thống các trang thiết bị, phòng thí nghiệm và đội ngũ cán bộ góp phần xác định đúng mã số, chủng loại hàng hoá phục vụ công tác quản lý hải quan và thu ngân sách.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các khâu nghiệp vụ kiểm tra, giám sát hải quan; áp dụng thí điểm thủ tục hải quan điện tử tại 13 Cục Hải quan tỉnh, thành phố; thực hiện rộng rãi khai hải quan qua mạng; từng bước trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại trong kiểm tra giám sát.

2.2. Quản lý thuế

Đảm bảo cơ sở pháp lý tương đối đầy đủ, đồng bộ để thực hiện công tác quản lý thu thuế; Các thủ tục hành chính về thuế như đăng ký, nộp thuế, miễn giảm thuế... được quy định và thực hiện theo hướng đơn giản, rõ ràng, minh bạch hơn; hiệu lực thực hiện pháp luật thuế được tăng cường.

Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác tính thuế, theo dõi nợ thuế, thu thuế; thí điểm kết nối trao đổi thông tin về tình hình nộp thuế của Doanh nghiệp giữa Hải quan - Thuế - Kho bạc và giữa Hải quan với các Ngân hàng thương mại.

Tính tuân thủ pháp luật của người nộp thuế ngày càng được nâng cao; cơ chế người nộp thuế tự khai, tự nộp, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật được tăng cường; Công tác thông tin tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp trong việc nâng cao tính tuân thủ được đẩy mạnh.

Nguồn thu về thuế từ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu được bảo đảm; luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch thu ngân sách nhà nước giao trong nhiều năm liền. Số thu từ thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu luôn chiếm 22-23% tổng thu ngân sách và bằng 1/3 tổng thu về thuế.

2.3. Kiểm soát hải quan

Luật Hải quan đã đặt nền móng, tạo cơ sở pháp lý thực hiện công tác kiểm soát hải quan và kiểm tra sau thông quan.

Tổ chức bộ máy và lực lượng kiểm tra sau thông quan bước đầu được kiện toàn. Các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ về công tác kiểm tra sau thông quan đã được ban hành. Thông qua các cuộc kiểm tra sau thông quan đã phát hiện những bất cập về cơ chế, chính sách quản lý để kiến nghị sửa đổi, bổ sung. Công tác kiểm tra sau thông quan đã góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

Trong công tác kiểm soát hải quan, cơ quan hải quan đã tiến hành đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ về kiểm tra, giám sát, phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới; từng bước kiện toàn bộ máy chuyên trách về điều tra chống buôn lậu; đầu tư, trang bị phương tiện kỹ thuật phục vụ công tác kiểm soát; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng công an, biên phòng, quản lý thị trường, đấu tranh có hiệu quả với các tội phạm, vi phạm pháp luật hải quan, góp phần bảo vệ an ninh và an toàn xã hội, bảo vệ sản xuất trong nước, đảm bảo môi trường kinh doanh bình đẳng.

3. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

3.1. Tổ chức bộ máy

Tổ chức Hải quan hiện nay được kế thừa trong 65 năm xây dựng và trưởng thành; được tổ chức và quản lý tập trung theo mô hình 3 cấp. Hệ thống tổ chức từng bước được kiện toàn để phục vụ việc triển khai quy trình thủ tục theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu sửa đổi, Luật Quản lý thuế...; thành lập và kiện toàn bộ máy chuyên trách thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra sau thông quan, quản lý rủi ro, quản lý giá, phân tích phân loại hàng hoá... Mô hình tổ chức bộ máy này đã bước đầu đáp ứng được các yêu cầu đòi hỏi của nhiệm vụ chính trị và phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội và hội nhập quốc tế.

3.2. Nguồn nhân lực

Đội ngũ công chức hải quan có chất lượng, hầu hết có trình độ đại học, được đào tạo cơ bản, được trang bị kiến thức nghiệp vụ tổng hợp về các lĩnh vực hải quan. Bước đầu đã hình thành được bộ phận công chức có trình độ chuyên sâu trong một số lĩnh vực nghiệp vụ; cơ cấu công chức theo từng lĩnh vực nghiệp vụ bước đầu đáp ứng được yêu cầu. Công chức hải quan giữ chức vụ

lãnh đạo được đào tạo cơ bản, có trình độ chuyên môn, có khả năng quản lý điều hành.

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật; công nghệ thông tin và thống kê hải quan

4.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật

Cơ sở vật chất, hệ thống trụ sở làm việc của cơ quan hải quan bước đầu được đầu tư, xây dựng đáp ứng yêu cầu công tác; đã từng bước đầu tư các trang thiết bị, máy móc, công cụ hỗ trợ phục vụ công tác nghiệp vụ hải quan như: hệ thống máy móc thiết bị phục vụ công tác phân tích phân loại, máy soi container, máy soi hành lý, camera giám sát, tàu thuyền, ca-nô, cân điện tử, thiết bị thông tin liên lạc...

4.2. Công nghệ thông tin và thống kê hải quan

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hải quan đã được quan tâm đầu tư thích đáng, đã phát triển và đưa vào vận hành hệ thống các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ các nghiệp vụ cốt lõi và công tác quản lý hành chính của hải quan; đã hình thành hệ thống mạng kết nối các đơn vị trong toàn ngành từ cơ quan tổng cục tới các Cục, Chi cục; hệ thống máy móc được trang bị đầy đủ cho các đơn vị trong ngành; đã hình thành 11 Trung tâm dữ liệu trong toàn ngành (1 của Tổng cục, 10 của Cục hải quan tỉnh, thành phố) phục vụ cho yêu cầu xử lý, khai thác thông tin; đội ngũ công chức chuyên trách về công nghệ thông tin được tăng cường tại cả 3 cấp.

Công tác thống kê nhà nước về hải quan đã góp phần cung cấp thông tin về tình hình hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu để từ đó hỗ trợ các cơ quan chính phủ trong việc đánh giá, phân tích, dự báo và hoạch định chính sách điều hành kinh tế vĩ mô. Chất lượng số liệu thống kê ngày càng được nâng cao; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; hệ thống thống kê ngày càng được hoàn thiện theo hướng hiện đại. Đội ngũ cán bộ làm công tác thống kê trong Ngành cũng ngày càng chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và được tăng cường năng lực thông qua các hoạt động hợp tác và trao đổi kinh nghiệm quốc tế.

5. Quan hệ phối hợp

Hoạt động hợp tác quốc tế về hải quan được tăng cường; nhiều Hiệp định, Thỏa thuận hợp tác hải quan đa phương, song phương được ký kết; Thông qua quan hệ hợp tác hải quan, một đội ngũ cán bộ công chức hải quan được đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ hải quan hiện đại; Tiếp nhận và triển khai thực hiện nhiều dự án tài trợ quốc tế trong lĩnh vực hải quan giúp nâng cao năng lực cho hải quan Việt Nam. Công tác hợp tác quốc tế góp phần nâng cao vị thế của hải quan Việt Nam trong cộng đồng Hải quan quốc tế và khu vực, đóng góp tích cực vào quá trình hội nhập của đất nước.

Cơ quan hải quan đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc xây dựng chính sách, thủ tục liên quan quản lý nhà nước về hải quan; thiết lập được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên trao đổi thông tin với các cơ

quan chức năng: Công an, Biên phòng, Quản lý thị trường...; tranh thủ được sự quan tâm, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương trong triển khai nhiệm vụ tại địa bàn; Đẩy mạnh sự phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Hiệp hội nhằm tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hải quan.

II. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu

1. Thể chế

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan còn chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, chồng chéo, chậm được đổi mới, chưa theo kịp yêu cầu của phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế; tính dự báo chưa cao; còn khó khăn cho các đối tượng thực thi trong việc tiếp cận các quy định cụ thể của pháp luật.

2. Công tác nghiệp vụ hải quan

2.1. Kiểm tra, giám sát hải quan

Thủ tục và chế độ quản lý hải quan còn phức tạp, chưa đảm bảo yêu cầu đơn giản, hài hoà theo công ước Kyoto; thủ tục hải quan thực hiện theo phương thức thủ công là chủ yếu, thủ tục hải quan điện tử mới ở giai đoạn thí điểm; tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hoá và thời gian thông quan còn cao so với các nước tiên tiến trong khu vực; việc thực thi thủ tục hải quan còn thiếu nhất quán; sự phối kết hợp các cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra hàng hoá chưa đồng bộ; hoạt động của đại lý hải quan chưa chuyên nghiệp, chưa hỗ trợ hiệu quả cơ quan hải quan trong thực hiện thủ tục hải quan.

2.2. Quản lý thuế

Còn nhiều các quy định của pháp luật về thuế chưa phù hợp với yêu cầu phát triển và các chuẩn mực, cam kết quốc tế; biểu thuế còn quá nhiều mức thuế, thiếu tính ổn định; Phương pháp quản lý thuế chủ yếu là thủ công, hệ thống cơ sở dữ liệu hỗ trợ cho công tác quản lý thuế còn chưa đầy đủ và cập nhật kịp thời; chi phí quản lý hành chính thuế còn cao, hiện tượng chây ì, nợ đọng thuế chậm được khắc phục; việc đánh giá và phân loại các khoản nợ, trao đổi thông tin với các cơ quan, tổ chức có liên quan còn chậm, hiệu quả thấp; công tác dự toán thuế chưa được xây dựng trên một căn cứ khoa học; Công tác tuyên truyền hỗ trợ cho người nộp thuế chưa phong phú về nội dung và hình thức. Công tác áp mã, áp giá chưa được thực hiện nhất quán trong ngành.

2.3. Kiểm soát hải quan

Quản lý rủi ro mới được áp dụng bước đầu, phạm vi và hiệu quả còn hạn chế; Công tác chỉ đạo điều hành thực hiện quản lý rủi ro thiếu thống nhất; Hệ thống thông tin nghiệp vụ còn phân tán, chưa đầy đủ, việc chia sẻ thông tin trong nội bộ ngành cũng như giữa các cơ quan chức năng còn hạn chế.

Trong công tác kiểm tra sau thông quan, khối lượng công việc làm được mới chiếm một tỷ lệ nhỏ so với yêu cầu cần làm; số các cuộc kiểm tra tại doanh nghiệp còn ít; số tiền thực thu so với quyết định truy thu còn thấp; việc chỉ đạo, phối hợp công tác kiểm tra sau thông quan với các công tác nghiệp vụ khác còn

thiếu chặt chẽ; kỹ năng kiểm tra về giá còn yếu; cơ sở dữ liệu, hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác kiểm tra sau thông quan còn thiếu; một bộ phận công chức làm công tác kiểm tra sau thông quan tại các Cục Hải quan chưa yên tâm công tác, có tư tưởng trông chờ luân chuyển sang bộ phận khác.

Trong hoạt động chống buôn lậu, công tác điều tra, nghiên cứu nắm tình hình tại địa bàn còn chưa kịp thời, hạn chế trong phân tích, đánh giá diễn biến, xác định quản lý đối tượng trọng điểm; trong các vụ việc đã bị phát hiện, bắt giữ thì những vụ xác lập và tổ chức đấu tranh chuyên án còn ít, tỷ lệ số vụ khởi tố, điều tra còn thấp; hạn chế về khả năng đánh vào các đường dây, ổ nhóm hoạt động buôn lậu có tổ chức; hoạt động tuần tra, kiểm soát trên biển còn yếu; các trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu, hiệu quả sử dụng chưa cao.

3. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

3.1. Tổ chức bộ máy

Xu hướng hình thành tổ chức bộ máy hải quan tại tất cả các địa bàn có hoạt động xuất nhập khẩu dẫn đến hệ thống tổ chức ngày càng công kênh; đầu tư dàn trải, hiệu quả chưa cao. Hệ thống tổ chức của ngành chưa được xây dựng trên cơ sở thực hiện quản lý hải quan theo phương thức hiện đại; tổ chức bộ máy cấp Cục và Chi cục không đồng đều, có sự khác biệt lớn về tính chất, khối lượng công việc dẫn đến bất cập trong công tác quản lý, điều hành và xây dựng chính sách để áp dụng thống nhất trong ngành.

3.2. Nguồn nhân lực

Lực lượng hải quan còn thiếu về số lượng và chất lượng so với yêu cầu nhiệm vụ. Một bộ phận công chức chưa được đào tạo kỹ về nghiệp vụ hải quan nên việc thực thi nhiệm vụ chưa mang tính chuyên nghiệp, hiệu quả công tác chưa cao; Số cán bộ, công chức được đào tạo về hải quan hiện đại và về các chuyên đề nghiệp vụ chuyên sâu như HS, GATT, C/O, quản lý rủi ro, thu thập, xử lý thông tin,... còn thiếu cả về số lượng và chất lượng. Một số cán bộ công chức chưa tích cực trong rèn luyện, tu dưỡng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn và những sơ hở trong cơ chế, chính sách để trục lợi, gây phiền hà sách nhiễu khi thực thi công vụ. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong ngành chưa đồng đều về kiến thức nghiệp vụ, một số năng lực quản lý chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật; công nghệ thông tin và thống kê hải quan

4.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật

Cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật còn thiếu, chưa đồng bộ; hiệu quả sử dụng chưa cao; quá trình triển khai đầu tư mua sắm và xây dựng còn chậm so với yêu cầu; kinh phí ngân sách bố trí cho đầu tư cơ sở vật chất còn hạn chế.

4.2. Công nghệ thông tin và thống kê hải quan

Công tác nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động hải quan còn thiếu một quy hoạch phát triển dài hạn để vừa đáp ứng yêu cầu ngắn

hạn cũng như trung hạn và dài hạn; các hệ thống công nghệ thông tin trong nghiệp vụ hải quan còn thiếu, vận hành chưa ổn định, tính tích hợp chưa cao; hạ tầng mạng tuy được trang bị tương đối đầy đủ, nhưng vận hành thiếu ổn định, khả năng dự phòng chưa cao; một số chính sách, quy định của nhà nước về lĩnh vực trao đổi thông tin chậm được ban hành, hoặc thiếu cụ thể chưa đảm bảo tính khả thi; đội ngũ chuyên gia về công nghệ thông tin trong ngành còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

Chưa hình thành được hệ thống các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động hải quan làm cơ sở cho việc hoạch định chiến lược, kế hoạch và theo dõi, đánh giá kết quả hoạt động của toàn ngành hải quan cũng như của từng đơn vị và kiến nghị các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan.

PHẦN 2. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN HẢI QUAN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020

I. Bối cảnh

Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng tiếp tục là một xu hướng chủ đạo dẫn tới sự phát triển của thương mại quốc tế ngày một tăng lên cả về nội dung và hình thức. Số lượng các hiệp định thương mại đa phương, song phương với nhiều quy định phức tạp, mang tính ràng buộc hơn trong thương mại quốc tế ngày càng gia tăng. Mô hình dây chuyền cung ứng hàng hoá, dịch vụ mới và các giao dịch thương mại trở nên phức tạp hơn; Yêu cầu tuân thủ các tiêu chuẩn trong giao lưu thương mại quốc tế và quản lý hải quan ngày càng trở nên phổ biến. Các mối đe dọa về an ninh, quan ngại về sức khoẻ cộng đồng và môi trường tiếp tục tồn tại và có xu hướng gia tăng. Khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông sẽ có sự phát triển nhanh chóng, góp phần tạo ra công cụ làm thay đổi phương pháp quản lý và phương thức tiến hành các hoạt động thương mại.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020 xác định các mục tiêu, giải pháp cho phát triển kinh tế cho giai đoạn 10 năm, theo đó kinh tế tiếp tục tăng trưởng với tốc độ bình quân...., kinh tế đối ngoại được đẩy mạnh, thu hút đầu tư nước ngoài dự kiến đạt; kim ngạch xuất nhập khẩu dự kiến đạt... tới năm 2020; hình thành và tiếp tục phát triển các vùng kinh tế trọng điểm; Cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh như cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ... được quy hoạch, nâng cấp, đầu tư đồng bộ.

Việt Nam là thành viên của WTO, ASEAN, APEC, ASEM, WCO...; trong tương lai sẽ ký kết các Hiệp định thương mại đa phương, song phương với các tổ chức quốc tế và các quốc gia. Điều đó đòi hỏi Việt Nam phải thực thi các cam kết ràng buộc liên quan tới thuận lợi hoá thương mại, dỡ bỏ các hàng rào thuế quan, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, an ninh dây chuyền cung ứng...

Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước đã đặt ra những yêu cầu mới cho công tác quản lý hải quan, vừa phải tận dụng thời cơ, vượt qua các khó khăn thách thức, xây dựng lực lượng, đổi mới phương thức quản lý, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ góp phần tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại, phát triển sản xuất trong nước, thu hút đầu tư nước ngoài; bảo vệ an ninh, an toàn xã hội; đảm bảo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

II. Quan điểm và mục tiêu phát triển

1. Quan điểm phát triển

- Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và tuân thủ các quy định của pháp luật; Phù hợp với chương trình cải cách nền hành chính quốc gia và định hướng phát triển kinh tế xã hội của đất nước, tuân thủ các chuẩn mực và thông lệ quốc tế và khu vực.

- Đảm bảo sự cân bằng giữa tạo thuận lợi thương mại và quản lý nhà nước về hải quan chặt chẽ đúng pháp luật.

- Lấy cải cách hiện đại hoá là động lực để phát triển. Tập trung đầu tư để hiện đại hóa hải quan tại các vùng, địa bàn trọng tâm, trọng điểm nhằm đạt hiệu quả cao; có tính đến sự phát triển cân đối, hài hoà và đồng đều giữa các vùng, địa bàn còn lại, đảm bảo sự phát triển, hiện đại hoá chung của Hải quan Việt Nam. Huy động tối đa các nguồn lực trong và ngoài nước, trong đó nguồn lực trong nước đóng vai trò quyết định.

2. Mục tiêu chiến lược

Xây dựng Hải quan Việt Nam thành một tổ chức hiện đại, có trình độ quản lý thuộc nhóm đứng đầu khu vực Đông Nam Á, thủ tục hải quan đơn giản, hài hoà đạt chuẩn mực quốc tế, trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu tập trung và kỹ thuật quản lý rủi ro, lực lượng hải quan đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu, được trang bị và làm chủ kỹ thuật hiện đại, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, đảm bảo an ninh quốc gia, an toàn xã hội, bảo vệ quyền lợi của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Mục tiêu quan trọng chủ yếu

3.1. Về thể chế

Xây dựng khuôn khổ pháp lý hải quan về cơ bản đầy đủ, đồng bộ điều chỉnh về chính sách và thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan tuân thủ các chuẩn mực, cam kết quốc tế có liên quan tới hoạt động hải quan; xây dựng hệ thống pháp luật Hải quan hiện đại bao gồm đầy đủ các quy định về: thủ tục hải quan, chế độ quản lý hải quan và các cơ chế tạo thuận lợi thương mại, các quy định về thu ngân sách, kiểm soát biên giới, xử phạt và khiếu nại, quy định quyền hạn cơ quan hải quan tương xứng với trách nhiệm thực thi pháp luật liên quan tới hải quan.

3.2. Công tác nghiệp vụ hải quan

Đến năm 2020, về cơ bản các thủ tục và chế độ quản lý hải quan được đơn giản, hài hòa, tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế; thủ tục hải quan chủ yếu được thực hiện bằng phương thức điện tử tại các địa bàn trọng điểm; thực hiện trao đổi thông tin trước khi hàng đến bằng phương thức điện tử với các hãng vận chuyển, thanh toán điện tử với các ngân hàng thương mại, trao đổi giấy phép điện tử với các cơ quan quản lý cấp phép; áp dụng cơ chế doanh nghiệp ưu tiên đặc biệt về thủ tục và an ninh theo các chuẩn mực của WCO, áp dụng quản lý rủi ro một cách hệ thống trong các khâu nghiệp vụ hải quan; từng bước thí điểm thông quan tập trung tại cấp Cục Hải quan từ năm 2012; thực hiện cơ bản cơ chế một cửa hải quan quốc gia và tham gia cơ chế một cửa ASEAN.

Nâng cao trình độ, năng lực quản lý thuế của Hải quan Việt Nam ngang tầm với các nước trong khu vực; Đảm bảo quản lý thuế công bằng, minh bạch, khả thi, hiệu quả, phù hợp với chuẩn mực quốc tế; Nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế; Bảo đảm quyền lợi, tận dụng tối đa lợi

thể, hạn chế bất lợi trong quá trình hội nhập; đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước nhằm phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tổ chức thực hiện có chiều sâu công tác nghiệp vụ cơ bản và đấu tranh có trọng điểm đối với buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới các mặt hàng cấm. Triển khai hiệu quả các biện pháp cần thiết, thực hiện các cam kết quốc tế trong công tác phòng, chống khủng bố, rửa tiền, thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực hải quan, hợp tác hải quan về kiểm soát chung. Thực hiện các biện pháp hàng rào kỹ thuật bảo vệ sản xuất và thị trường trong nước phát triển bền vững, lành mạnh.

Đến năm 2020, hoạt động kiểm tra sau thông quan đạt trình độ chuyên nghiệp, chuyên sâu, hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc kiểm tra hải quan chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm; quy trình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan được chuẩn hóa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin; phân loại được các doanh nghiệp xuất nhập khẩu; kiểm soát được các doanh nghiệp, loại hình, mặt hàng xuất nhập khẩu có rủi ro cao.

3.3. Về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

Xây dựng tổ chức bộ máy Hải quan hiện đại, phù hợp với yêu cầu thực thi nhiệm vụ của hải quan và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng yêu cầu quản lý hải quan hiện đại theo nguyên tắc tập trung thống nhất

Xây dựng lực lượng hải quan trở thành lực lượng chuyên nghiệp, có chuyên môn sâu; hoạt động minh bạch, liêm chính, có hiệu lực và hiệu quả, thích nghi nhanh với những thay đổi của môi trường, công nghệ mới, đáp ứng được yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế và khu vực.

3.4. Về ứng dụng công nghệ thông tin

Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hải quan hiện đại trên nền tảng tập trung hoá xử lý dữ liệu, tích hợp đầy đủ các chức năng, xử lý hồ sơ hải quan điện tử, manifest điện tử, thanh toán điện tử, giấy phép điện tử; xây dựng các trung tâm xử lý dữ liệu cấp vùng đạt mức độ 2+ trở lên, trung tâm xử lý dữ liệu ngành đạt mức độ 3+ trở lên, đảm bảo hệ thống CNTT đạt tiêu chuẩn an ninh, an toàn cao (24/24 và 24/7) và quản lý theo hướng dịch vụ; xây dựng công trao đổi thông tin điện tử kết nối trao đổi thông tin với các cơ quan liên quan, thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia và một cửa khu vực ASEAN.

Đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời của số liệu thống kê nhà nước về hải quan làm cơ sở cho việc theo dõi, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu phục vụ cho công tác hoạch định, chỉ đạo, điều hành thực hiện chính sách kinh tế, thương mại và thuế của Chính phủ và các cơ quan có liên quan.

III. Giải pháp thực hiện

1. Thể chế

Rà soát, đánh giá tính đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, khả thi của các quy định pháp luật hải quan, đối chiếu với các cam kết quốc tế về hải quan để đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới để đáp ứng việc triển khai

các hoạt động phát triển hải quan đến 2020 và các năm tiếp theo, theo lộ trình sau:

- Giai đoạn đến 2015: Thống nhất cơ sở pháp lý thủ tục hải quan được thực hiện bằng phương thức thủ công và điện tử theo hướng xây dựng, ban hành Nghị định thay thế Nghị định 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra giám sát hải quan; sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu để đảm bảo hoàn thiện hơn hệ thống pháp luật về thuế đối với hàng hoá xuất nhập khẩu.

- Giai đoạn 2016 đến 2020 tập trung vào việc tổng kết đánh giá quá trình thực hiện Luật Hải quan, các Luật khác có liên quan để xác định các vấn đề cần đưa vào văn bản Luật. Xây dựng trình Quốc hội ban hành Luật mới đáp ứng yêu cầu hoàn thiện chế độ quản lý nhà nước về hải quan, triển khai phương thức quản lý hải quan hiện đại.

Rà soát, hệ thống hoá, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu pháp luật điều chỉnh trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đưa lên mạng trực tuyến, tạo cơ hội thuận tiện cho các đối tượng tiếp cận về hệ thống pháp luật hải quan.

2. Công tác nghiệp vụ hải quan

2.1. Kiểm tra, giám sát hải quan

Áp dụng một cách đầy đủ phương thức quản lý Hải quan dựa trên quản lý sự tuân thủ theo các trụ cột: Thu thập và xử lý thông tin nghiệp vụ; Quản lý rủi ro; Kiểm tra sau thông quan. Xây dựng chương trình quản lý tuân thủ đồng bộ, thống nhất trên các mặt bao gồm: Chính sách khuyến khích tự nguyện tuân thủ pháp luật Hải quan; Các quy trình thủ tục; Các chế tài xử lý vi phạm; Các chương trình tuyên truyền và nâng cao nhận thức.

Đơn giản hóa, hài hòa hóa thủ tục hải quan phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế trên các phương diện: Loại bỏ các yêu cầu cung cấp thông tin, chứng từ trùng lặp, chồng chéo; Phân định rõ thủ tục và các chế độ quản lý hải quan trên cơ sở khuyến nghị và chuẩn mực của Công ước Kyoto sửa đổi; Hài hòa hóa các thủ tục và chế độ quản lý hải quan có chung bản chất về một thủ tục, chế độ quản lý chuẩn mực trên cơ sở khuyến nghị của Công ước Kyoto sửa đổi.

Áp dụng rộng rãi và hiệu quả việc thực hiện thủ tục hải quan cũng như công tác quản lý hải quan bằng phương thức điện tử để tiến tới môi trường làm việc không sử dụng giấy tờ trên các mặt: khai và tiếp nhận thông tin khai hải quan; trao đổi thông tin cấp phép và các chứng từ liên quan với các cơ quan chính phủ trong khuôn khổ cơ chế một cửa hải quan quốc gia.

Áp dụng một cách có hiệu quả các trang thiết bị kỹ thuật, máy móc kiểm tra hàng hóa, kiểm soát hải quan hiện đại phục vụ công tác kiểm tra thực tế hàng hóa, giám sát hải quan tại các cảng/cửa khẩu.

Xây dựng cơ chế đối tác Hải quan với cộng đồng doanh nghiệp và các bên liên quan để nâng cao hơn chất lượng và hiệu quả công việc. Xây dựng cơ chế

chính sách để thúc đẩy phát triển hệ thống đại lý làm thủ tục hải quan chuyên nghiệp. Xây dựng và phát triển chế độ ưu đãi đặc biệt cho các doanh nghiệp có độ tuân thủ cao, doanh nghiệp ưu tiên đặc biệt.

Xây dựng và phát triển hệ thống phán quyết trước trong các lĩnh vực kỹ thuật nghiệp vụ như: trị giá hải quan, phân loại hàng hóa và xuất xứ hàng hóa theo hướng dẫn của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO).

2.2. Quản lý thuế

Thực hiện cải cách hành chính theo hướng giảm bớt, tiến tới bỏ hẳn việc nộp hồ sơ miễn, giảm, hoàn thuế, thực hiện miễn, giảm, hoàn thuế bằng phương thức điện tử. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền hỗ trợ pháp luật cho người nộp thuế để nâng cao tính tự tuân thủ pháp luật của người nộp thuế; thực hiện kết nối trao đổi thông tin giữa cơ quan hải quan với ngân hàng, kho bạc; giảm bớt chi phí quản lý hành chính thuế; nâng cao kỹ năng quản lý thuế cho cán bộ công chức hải quan.

Phân loại nợ và từng bước giải quyết các khoản nợ khó đòi. Xây dựng và thực hiện các phương thức, biện pháp theo dõi, quản lý thu thuế, nợ thuế. Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu xác định trị giá, phân loại hàng hoá, quản lý thuế, phân tích dự báo thu ngân sách nhà nước kịp thời, sát thực tế.

2.3. Kiểm soát hải quan

Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về kiểm soát hải quan tại Luật Hải quan và văn bản pháp luật liên quan, theo hướng: Nâng cao tính pháp lý của áp dụng quản lý rủi ro, nâng cao trách nhiệm của người khai hải quan, các tổ chức, cá nhân liên quan trong thực hiện cung cấp, trao đổi thông tin; Quy định về phạm vi địa bàn hoạt động hải quan theo hướng đảm bảo cơ sở pháp lý thực hiện hiệu quả các biện pháp thu thập thông tin nghiệp vụ, tuân tra kiểm soát, trình sát, bắt giữ; Nội luật hóa một số cam kết quốc tế về phòng, chống khủng bố, rửa tiền liên quan đến công tác phòng, chống ma túy, thực thi bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, phòng, chống khủng bố, rửa tiền, thực hiện vận chuyển có kiểm soát, hỗ trợ hành chính, tư pháp trong lĩnh vực kiểm soát hải quan.

Xây dựng và áp dụng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ hải quan, hệ thống quản lý rủi ro trong các lĩnh vực nghiệp vụ hải quan trên nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, tự động hóa cao; thiết lập, duy trì cơ chế phối hợp hiệu quả, chia sẻ thông tin với cộng đồng doanh nghiệp, các cơ quan nhà nước khác, các cơ quan hải quan nước ngoài và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực kiểm soát hải quan.

Triển khai thống nhất, đồng bộ trong toàn Ngành các biện pháp nghiệp vụ cơ bản gồm: Tiến hành thường xuyên công tác điều tra nghiên cứu nắm tình hình, sưu tra tại tất cả các địa bàn, đảm bảo cập nhật thông tin nghiệp vụ, cung cấp thông tin phục vụ quản lý rủi ro và áp dụng các biện pháp nghiệp vụ cần thiết phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật hải quan. Xác định đối tượng trọng điểm đưa vào diện sưu tra và quản lý đối tượng sưu tra có hiệu quả. Xây dựng mạng lưới cơ sở bí mật hoạt động hiệu quả tại các địa bàn trọng điểm.

Trên cơ sở đó hình thành hệ thống theo dõi, nắm tình hình, quản lý địa bàn có trọng điểm, có chiều sâu, thống nhất trong Ngành Hải quan. Xác lập chuyên án và tổ chức đấu tranh có trọng điểm vào các đối tượng lợi dụng bất cập trong quy trình thủ tục hải quan, chính sách ưu đãi, các loại hình xuất nhập khẩu mới phát sinh; ma túy, vũ khí và các loại hàng cấm, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, an toàn cộng đồng; các vi phạm sở hữu trí tuệ, hàng giả. Xây dựng và áp dụng chế độ hồ sơ nghiệp vụ của các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan.

Tập trung lực lượng cho hoạt động phòng, chống ma túy tại cấp Chi cục Hải quan, đặc biệt là các địa bàn trọng điểm về hoạt động buôn bán vận chuyển trái phép các chất ma túy qua biên giới; tiến hành các biện pháp nghiệp vụ kiểm soát hải quan kết hợp với các biện pháp kiểm tra, giám sát trong quy trình thủ tục hải quan tại cửa khẩu; từng bước trang bị và sử dụng có hiệu quả đội chó nghiệp vụ phát hiện ma túy, chất nổ và các thiết bị giám sát, máy soi.

Trang bị đủ máy móc, công cụ hỗ trợ, ứng dụng công nghệ tiên tiến trên cơ sở đặc điểm của địa bàn hoạt động, tính chất phức tạp của tình hình hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, quá cảnh tại địa bàn kiểm soát, nguồn nhân lực thực thi hoạt động kiểm soát.

2.4. Kiểm tra sau thông quan

Triển khai đồng bộ nhiều giải pháp xây dựng lực lượng kiểm tra sau thông quan thành lực lượng chuyên nghiệp theo hướng: Hoàn chỉnh hệ thống tổ chức bộ máy từ trung ương đến địa phương với chức năng, nhiệm vụ phù hợp yêu cầu quản lý lâu dài, nhiệm vụ chiến lược, hiện đại hoá; Tăng cường đào tạo phổ cập nghiệp vụ, đào tạo chuyên sâu (điều tra, giám định tài liệu, sở hữu trí tuệ, xuất xứ, thanh toán, kiểm toán, xử lý vi phạm hành chính, giải quyết khiếu nại và tham gia tố tụng tại toà...), cập nhật kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng kiểm tra sau thông quan cho toàn lực lượng; và ISO hoá quy trình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan và các quá trình quản lý khác trong lực lượng kiểm tra sau thông quan. Ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ hoạt động kiểm tra sau thông quan, tăng cường sử dụng trang thiết bị hiện đại trong nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan. Từ nay đến 2012, tập trung kiểm tra giải quyết căn bản các khoảng trống trong quản lý như: sở hữu trí tuệ liên quan đến xác định trị giá, ưu đãi đầu tư, hàng không thuế, hàng miễn thuế, thanh toán, thanh khoản hồ sơ gia công.

3. Tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

3.1. Tổ chức bộ máy

Cơ cấu lại hệ thống tổ chức hải quan đáp ứng các yêu cầu quản lý hải quan hiện đại, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ hiệu quả, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, khối lượng công việc và điều kiện địa lý của từng địa bàn.

Đối với các Chi cục Hải quan, quy hoạch và sắp xếp lại hệ thống tổ chức theo hướng phù hợp với khối lượng công việc và đặc điểm địa lý; đối với những địa bàn trọng điểm, hình thành Chi cục Hải quan có quy mô quản lý rộng, khối lượng công việc lớn, đảm bảo việc sử dụng có hiệu quả trang thiết bị kỹ thuật hiện đại.

3.2. Nguồn nhân lực

Xây dựng và từng bước đưa vào áp dụng phương pháp quản lý nguồn nhân lực hiện đại thông qua việc phân tích công việc, xây dựng mô tả chức danh công việc chung, bộ tiêu chuẩn năng lực; xây dựng cơ chế quản lý, cập nhật và sử dụng các bảng mô tả công việc, bộ tiêu chuẩn năng lực; thực hiện việc rà soát, đánh giá toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu chức danh công việc; triển khai việc xây dựng các hệ thống trợ giúp hoạt động quản lý nguồn nhân lực trong ngành Hải quan.

Sửa đổi, bổ sung và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách, quy định về công tác quản lý cán bộ: tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, đánh giá, phân loại, điều động, luân chuyển, quy hoạch, bổ nhiệm... theo phương thức quản lý nguồn nhân lực hiện đại dựa trên năng lực.

Xây dựng chế độ chính sách phù hợp, tương xứng với tính chất đặc thù của công việc Hải quan trên cơ sở của thí điểm chính sách khoán biên chế, khoán kinh phí hoạt động. Trong đó cần tập trung xây dựng chế độ đãi ngộ đối với những chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực hải quan; dành biên chế tăng hàng năm và chế độ chính sách ưu đãi như (tiền lương, nhà ở...) để thu hút, tuyển dụng những người thực tài đã được đào tạo ở trong nước cũng như nước ngoài vào ngành hải quan, chế độ dưỡng liêm cho toàn lực lượng; chế độ đối với công chức làm nhiệm vụ ở biên giới hải đảo, vùng sâu, vùng xa; đối với lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ chống buôn lậu trên bộ, trên biển.

Xây dựng hệ thống thông tin quản lý nhân sự ngành Hải quan theo hướng tự động hóa một số công việc quản lý nguồn nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý nguồn nhân lực sau khi tái cơ cấu lại hệ thống tổ chức hải quan Việt Nam.

Phân tích nhu cầu đào tạo của cán bộ, công chức Hải quan và tiến hành chuẩn hóa giáo trình, nội dung đào tạo chuyên môn nghiệp vụ hải quan; đa dạng hóa các loại hình đào tạo (đào tạo từ xa, trực tuyến, tự đào tạo, đào tạo tại nước ngoài...); xây dựng và áp dụng những chính sách đãi ngộ hợp lý làm động cơ thúc đẩy cán bộ, công chức đi học để nâng cao trình độ; Xây dựng cơ chế đánh giá kết quả đào tạo để nâng cao chất lượng dạy và học.

Tập trung xây dựng kế hoạch và triển khai một số chương trình đào tạo trọng điểm nhằm phục vụ trước hết cho các hoạt động hiện đại hoá ngành: Tổ chức đào tạo theo chức danh đã chuẩn hóa đúng với nội dung giáo trình đã chuẩn hóa; Tổ chức đào tạo nâng cao năng lực quản lý và các kỹ năng giải quyết công việc cho các cán bộ lãnh đạo hải quan các cấp; Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và giải quyết công việc cho đội ngũ chuyên gia trong một số lĩnh vực mũi nhọn của ngành: Quản lý rủi ro, thu thập, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan, trị giá hải quan, kiểm tra sau thông quan, công nghệ thông tin, phân tích phân loại, quản lý nguồn nhân lực.

Xây dựng Trường Hải quan Việt Nam chính quy và hiện đại; Phát triển các chương trình hợp tác đào tạo trong nước và quốc tế đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa Hải quan Việt Nam.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và đảm bảo liêm chính hải quan. Hoàn chỉnh các quy định về kỷ luật, kỷ cương nội bộ với một hệ thống quy định chặt chẽ, định rõ tính chất sai phạm đối với từng nhóm hành vi cùng hình thức xử lý tương xứng. Kết hợp tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức với thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các nội dung về liêm chính hải quan đồng thời xây dựng kế hoạch từng bước đảm bảo các yếu tố vật chất và tinh thần để thực hiện liêm chính hải quan. Tổ chức tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp, đối tác của hải quan về liêm chính hải quan.

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật; công nghệ thông tin và thống kê hải quan

4.1. Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật

Các trụ sở làm việc, địa điểm kiểm tra tập trung; trang thiết bị kỹ thuật, công cụ hỗ trợ; hạ tầng truyền thông và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho các mặt hoạt động cơ quan hải quan sẽ được đầu tư, xây dựng, hiện đại hóa và phát triển đồng bộ trên ba trụ cột bao gồm: hệ thống quy phạm và tiêu chuẩn kỹ thuật thống nhất; quy hoạch phát triển trung hạn và dài hạn toàn diện; cơ chế quản lý thực hiện quy hoạch cũng như điều chỉnh quy hoạch đồng bộ trên cơ sở phân tích hiệu quả đầu tư dựa trên chi phí và lợi ích mang lại. Các điểm thông quan trong nội địa, tại cửa khẩu, địa điểm kiểm tra tập trung phải được đặt trên tâm điểm của các tuyến giao thông trọng điểm, các cụm khu công nghiệp, khu chế xuất, cảng biển, sân bay..., hướng tới yêu cầu quản lý tập trung, tạo thuận lợi tối đa cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và kiểm soát biên giới.

Các Phòng thí nghiệm hải quan thực hiện nhiệm vụ phân tích, phân loại hàng hóa sẽ được quy hoạch chủ yếu tại các địa bàn được xác định là trọng điểm về thương mại, đầu tư, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu. Xây dựng Phòng thí nghiệm Hải quan đạt tiêu chuẩn VILAS và hoàn thiện hệ thống các phương pháp phân tích chuẩn trong Phòng thí nghiệm.

Trang thiết bị kỹ thuật được đổi mới và hiện đại hóa theo lĩnh vực, nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm có tính đến đặc điểm của địa bàn và đơn vị sẽ được đầu tư bao gồm: địa lý, biên chế, nhiệm vụ chủ yếu, đặc thù hoạt động, khối lượng công việc. Ưu tiên đầu tư trang bị đồng bộ hệ thống máy móc, trang thiết bị công nghệ thông tin, máy soi, hệ thống camera giám sát... tại các địa bàn trọng điểm. Trang bị đầy đủ các phương tiện, công cụ hỗ trợ cho lực lượng kiểm soát, chống buôn lậu thực thi nhiệm vụ.

4.2. Công nghệ thông tin và thống kê hải quan

Xây dựng hệ thống thông tin Hải quan tích hợp đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ và thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo hướng xử lý dữ liệu điện tử tập trung trên mô hình kiến trúc hướng dịch vụ, đóng vai trò cốt lõi của hệ thống công nghệ thông tin thuộc cơ chế một cửa quốc gia; phát triển và duy trì hoạt động ổn định của hạ tầng truyền thông, kết nối các đơn vị trong ngành hải quan và với các cơ quan có liên quan, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về băng thông và khả năng dự phòng; xây dựng từ 2 đến 3 Trung tâm xử lý dữ liệu điện tử Hải quan

trực thuộc Tổng cục Hải quan đóng vai trò xử lý dữ liệu điện tử tập trung cho các hoạt động nghiệp vụ trong ngành với hệ thống máy chủ lớn, các thiết bị công nghệ thông tin hiện đại và các giải pháp đảm bảo an ninh, an toàn tiên tiến; xây dựng đội ngũ chuyên gia về công nghệ thông tin; xây dựng cơ chế quản lý, vận hành, duy trì, phát triển hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ đáp ứng yêu cầu sẵn sàng, linh hoạt và thích ứng nhanh với các thay đổi của yêu cầu quản lý.

Triển khai các chỉ tiêu thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu mới trong hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; đa dạng hoá các sản phẩm thống kê; nâng cao chất lượng phân tích, dự báo thống kê; nghiên cứu áp dụng các kỹ thuật, nghiệp vụ thống kê hiện đại vào thống kê hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

5. Giải pháp khác

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cho cán bộ công chức trong ngành Hải quan, các cơ quan có liên quan, cộng đồng doanh nghiệp và người dân với những hình thức và nội dung phù hợp về chính sách pháp luật, các quy định của nhà nước, các quy trình thủ tục liên quan tới các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; các chương trình, kế hoạch hoạt động về cải cách, hiện đại hóa hải quan; nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về pháp luật hải quan, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và sự phối kết hợp để thực thi pháp luật hải quan.

Xây dựng và thực hiện thống nhất mô hình hệ thống quản lý chất lượng bao gồm: hệ thống văn bản, danh mục các thủ tục hành chính, quy trình xử lý công việc trong cơ quan hải quan; Xây dựng và triển khai hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động của từng đơn vị, cá nhân trong ngành.

Nghiên cứu, xây dựng và triển khai chương trình quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp trên các nội dung chủ yếu sau: Xây dựng và thực hiện cơ chế khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phản biện xã hội đối với các chính sách, văn bản pháp luật, quy trình thủ tục hải quan; Xây dựng cơ chế thu thập thông tin phản hồi, đánh giá của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về việc thực thi pháp luật hải quan; Từng bước áp dụng các chuẩn mực, khuyến nghị quốc tế trong phát triển quan hệ đối tác Hải quan - Doanh nghiệp.

Đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương nhằm chia sẻ kinh nghiệm về cải cách, hiện đại hóa, phương pháp, kỹ thuật quản lý hải quan hiện đại hóa; thực hiện các sáng kiến khu vực đặc biệt trong lĩnh vực hiện đại hoá thủ tục, áp dụng các kỹ thuật hải quan mới đồng thời góp phần nâng cao vị thế, uy tín và quyền lợi của Hải quan Việt Nam trên trường quốc tế. Tìm kiếm, vận động các dự án hỗ trợ kỹ thuật, viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế và các nước phục vụ cho quá trình cải cách, phát triển và hiện đại hoá Hải quan.

Tiếp tục thực hiện cơ chế quản lý tài chính đối với ngành Hải quan phục vụ yêu cầu đầu tư phát triển, cải cách hiện đại hóa. Nghiên cứu và triển khai thí điểm đề từ đó nhân rộng việc xã hội hóa một số dịch vụ công do cơ quan hải quan cung cấp hoặc thực hiện nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm bớt gánh nặng ngân sách. Áp dụng các hình thức thuê ngoài làm và thuê dịch vụ; chuyên đổi một số dịch vụ công do cơ quan hải quan cung cấp thành các dịch vụ có thu

phí; phát triển các hình thức liên kết đầu tư hoặc thuê mua tài chính đối với một số loại thiết bị chuyên dụng đòi hỏi mức đầu tư lớn trong bối cảnh nguồn lực tài chính hạn chế. Huy động tổng hợp và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực hỗ trợ cho các hoạt động phát triển hải quan từ các nguồn: ngân sách do chính phủ cấp; nguồn tài trợ, hỗ trợ thông qua các quan hệ hợp tác song phương, đa phương và các tổ chức quốc tế; và nguồn thu được từ việc cung cấp các dịch vụ công.

PHẦN 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nội dung của chiến lược; xây dựng, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện các kế hoạch theo từng giai đoạn để cụ thể hóa các nội dung của chiến lược; hướng dẫn, đôn đốc các Bộ, Ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng và tổ chức thực hiện các nội dung có liên quan, đảm bảo phù hợp với các mục tiêu, nội dung, giải pháp của chiến lược này. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành, địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan kiểm tra việc thực hiện chiến lược này; định kỳ hàng năm, 5 năm sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm thực hiện chiến lược; trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh mục tiêu, nội dung chiến lược trong trường hợp cần thiết.

2. Bộ Kế hoạch và đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, Ngành liên quan cân đối, bố trí vốn đầu tư hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Chiến lược.

3. Các Bộ, Ngành, địa phương có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung thuộc phạm vi liên quan đến Bộ, Ngành và địa phương mình.